

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOÀNG QUYẾT

QUYỂN 5 (PHẦN 5)

Đại kinh trở xuống là dùng Niết-bàn mà giải thích nghĩa. Nhưng nghĩa Vô sinh nằm rải rác trong các giáo, danh tướng rõ ràng chẳng gì hơn Đại kinh. Cho nên dẫn bốn câu, sáu câu giải thích nghĩa Vô sinh, chẳng ngoài tự tha, trí dứt, năng sở, việc lý, nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn đều Vô sinh. Tức là ánh sáng nhân quả hay hiển nghĩa đều ở kinh quyển mười chín. Trước giải thích bốn câu nói chẳng nghe mà nghe một câu có các thứ nghĩa. Kinh trước nêu bốn câu chẳng nghe mà nghe, v. v... Lại dùng bốn câu chẳng đến mà đến v.v... Để giải thích chẳng sinh mà sinh, cho nên nói chẳng nghe mà nghe có các thứ nghĩa. Nay trong đó lại nói thuận Vô sinh. Cho nên dùng chẳng sinh mà sinh để giải thích nghĩa Vô sinh. Nhưng người xưa dùng bốn câu chẳng nghe mà nghe, chẳng sinh mà sinh v.v... ở trước, dưới mỗi câu chỉ là chuyển thích mà thôi. Cho nên nhiều giải thích bốn câu chẳng nghe mà nghe v.v..., các câu kia chỉ so sánh. Có người nói: Nghe chẳng nghe ngay nơi tục là chân, chẳng nghe mà nghe ngay nơi chân mà tục. Nghe nghe chỉ cho tục, chẳng nghe mà chẳng nghe chỉ cho chân. Lại nói chẳng nghe nghe từ chân khởi ứng, nghe chẳng nghe nhiếp ứng về bản, chẳng nghe chẳng nghe pháp thân bất động. Nghe nghe là ứng tích chẳng thôi. Chẳng sinh sinh, v.v... xưa cũng có nhiều giải Hưng Hoàng dùng Tuyệt Sơn kệ tiêu. Chẳng sinh mà sinh là các hạnh vô thường, sinh mà chẳng sinh là pháp sinh diệt sinh sinh là sinh diệt diệt rồi, chẳng sinh mà chẳng sinh là vắng lặng làm vui. Lại đem bốn xuất kệ tiêu. Nói bốn xuất là kệ này bốn chỗ xuất ra. Người xưa gọi là Niết-bàn bốn trụ, nghĩa là chín mươi lăm, hai mươi lăm, hai mươi sáu. Chẳng sinh mà sinh xưa không nay có, sinh mà chẳng sinh xưa có nay không. Sinh mà sinh ba đời có pháp, chẳng sinh mà chẳng sinh, không có việc ấy. Lại nói bốn câu Như lai chứng Niết-

bàn, v.v... mà đối. Chương An nói: y theo văn dưới nói ta nhân việc ấy liền được hiểu một câu nửa câu, được thấy Phật tánh vào Niết-bàn, phải biết đều là câu thấy Phật tánh. Chẳng nghe mà nghe là tánh liễu nhân. Nghe mà chẳng nghe là tánh duyên nhân, chẳng nghe mà chẳng nghe là tánh chánh nhân, nghe mà nghe là cảnh giới tánh. So sánh theo đây để giải thích chẳng sinh mà sinh v.v..., cũng rất dễ thấy. Tuy xưa có nhiều giải thích chưa hội được ý chỉ kinh, theo ngài Chương An giải lại là một đường. Chương An nói: Điều chẳng như thế, trí dứt nhân quả đều là Vô sinh. Chỉ vì nêu kinh riêng làm một đường, kinh kia Phật muốn nói đây chẳng nghe mà nghe, v.v..., phát ra ánh sáng chiếu khắp các thế giới mười phương. Lúc đó, phương Đông có Bồ-tát Lưu Ly Quang. Khi mới đến tất cả đại chúng không phải xanh thấy xanh, cho đến không phải trắng thấy trắng. Các Bồ-tát, v.v... thấy ánh sáng này đều hỏi nhau rằng: Đây là ánh sáng gì? Điều làm thình chảng đáp. Kế hỏi ngài Văn-thù. Văn-thù đáp rằng: Ánh sáng đó tức là trí tuệ, trí tuệ tức là thường trụ, cho đến tức là Như lai, tức là đại từ. Phật nói: nay Ông chớ vào Định đệ nhất nghĩa rất sâu, phải dùng thế tục mà giải thích. Văn-thù nói: phương Đông cách đây hai mươi Hằng sa thế giới có thế giới tên là Mãn Nguyệt, ở đó có Bồ-tát tên là Lưu Ly Quang, ở đó thấy ánh sáng mà hỏi Phật ấy. Phật ấy đáp rằng: Ở phương Tây cách đây hai mươi Hằng sa thế giới có thế giới tên là Ta-bà, có Đức Phật tên là Thích-ca, vì các Bồ-tát nói chẳng nghe mà nghe, v.v... Bồ-tát ấy bạch Phật ấy muốn đến đây nghe chẳng nghe mà nghe. Từ đó đến đây trước hiện tượng này. Như xưa các giải thích đều từ một đường, lấy gì để biểu thị cho chỉ quang triệu, lấy gì để sinh đại nghi mười phương. Lấy di mạng vô uổng nhục của Phật ấy, đều đủ để bổ túc tình từ xa đến. Kệ tuy nhiếp rộng các việc nhưng ý lược. Cho nên biết chẳng thể giải thích như thế. Muốn hiểu văn này phải hiểu ý dùng văn kinh của Đại sư. Nếu giải thích văn ấy và ở đây vì người, thì lấy sinh sinh ở trước dùng đối bốn giáo. Lấy nghĩa tùy sinh cho tiện. Trong đây nêu kinh giải thích nghĩa Vô sinh. Cho nên y đủ thứ lớp văn kinh. Trước nêu bốn câu, kế xét dưới đây mà lược nêu tương nhiếp. Chẳng sinh mà sinh là nhân tự hành, là vị Sơ trụ. Chẳng sinh mà chẳng sinh là quả tự hành, vị ở Diệu giác. Sinh mà chẳng sinh tức là năng hóa tha, sinh mà sinh tức là sở hóa tha. Nếu chẳng như thế làm sao gọi là khắp. Cho nên môn phá khắp nghĩa đồng một bộ. Một bộ chỉ là tự tha nhân quả năng sở. Chẳng sinh mà sinh trở xuống là kế giải thích bốn câu, tự làm bốn văn. Nhưng trong các câu hễ nói kinh giải thích, đều là Đại Kinh Phật Tự giải thích, hễ nói nay giải

tức là Đại sư giải thích lời Phật giải đều dẫn Phật Tạng khạc thổi mà kết. Câu đầu thiếu kết theo nghĩa phải có. Trước chẳng sinh mà sinh là nhắc lại kinh câu đầu. An trụ trở xuống là kinh giải. Nay giải trở xuống là Đại sư giải thích. Muốn nói chỗ an nên trước giải thích Đế, kế nói năng an nên sau giải thích an trụ. Lý vốn chẳng hai, chẳng cộng chẳng lìa, y cứ việc sở an cũng giống như thế. Vì chỉ quán an nên Thế đế mới thành cảnh không thể nghĩ bàn. An tức là quán, quán này mới thành gọi là vị Quán hạnh. Vì viên quán giải nhờ ở thế đế, quán là Thánh dựng, Thánh giá thai nên gọi là giá thai Thánh. Lại sinh trong dòng Thánh gọi là giá thai thánh. Nếu vào Sơ trụ gọi là ra khỏi thai thánh. Thánh ra thai nên gọi là Xuất thai Thánh. Kế một phần lý nên nói chẳng thấy, chẳng thấy tức chẳng sinh trí đức thành. Đây giải thích chẳng sinh. Được tri kiến Phật trở xuống là kế giải thích chữ Sinh. Luận nói dưới dẫn luận chứng, các pháp tức là vô minh thế đế. Bát-nhã sinh là tri kiến Phật khai. Đây nói trở xuống là kết bày. Kinh giải thích chẳng sinh chẳng sinh trở xuống là nhắc lại câu thứ hai. Kế chẳng sinh chẳng sinh trở xuống là kinh giải gọi là Đại Niết-bàn nêu chung. Sinh tướng trở xuống là giải thích hai chẳng sinh. Sinh tướng hết cho nên tức trí dứt đức mãn. Tu đạo được nên nói quả do nhân khế. Nay giải trở xuống là Đại sư giải thích. Hai đức đã viên thích thì tướng sinh hết. Tức chỉ Diệu giác là quả vắng lặng. Nhân quả trở xuống là dùng Phật tạng kết. Kết tức là kết đồng. Kinh thích trở xuống là nêu câu thứ ba. Thế đế trở xuống là kinh giải. Nay giải trở xuống là Đại sư giải thích. Do vô minh nên hợp với pháp tánh sinh ra các pháp. Nên gọi vô minh để làm căn bản. Chỉ pháp căn bản thì các pháp chẳng sinh. Tử là tên khác của chẳng sinh. Đây giải thích trở xuống là lại nói câu này chỗ dùng nghĩa chỉ, dùng dứt đức này mà giải thích trí đức ở đầu. Nếu không có dứt đức thì trí đức chẳng thành tựu, cho nên phải dùng dứt đức để giải thích trí. Nếu trong câu đầu trí đức thành thì trong câu đầu chẳng sinh chữ. Nếu trong câu này dứt đức thành thì trong câu này dưới chẳng sinh chữ. Chẳng sinh tên đồng, v.v... là phân biệt trong hai câu chẳng sinh chữ. Câu đầu trên chẳng sinh chữ câu này dy cứ chẳng sinh chữ. Hai chỗ chẳng sinh tên ấy tuy đồng mà việc lý thì khác. Câu đầu trí đức duyên lý gọi là chẳng sinh. Câu này phá việc hoặc hết mà được gọi là chẳng sinh. Dùng lý so sánh việc thì việc là dưới. Cho nên nói dưới phá. Dùng việc so sánh lý thì lý là trên nên nói trên duyên. Kế câu đầu trở xuống là phân biệt sinh chữ trong hai câu. Câu trước thuộc trí, câu này thuộc hoặc, hai chỗ sinh chữ tên tuy đồng nhưng câu đầu sinh chữ thuộc trí. Trí là thoát, câu này

sinh chữ thuộc hoặc, hoặc tức là phước. Cho nên nói rất khác. Hai chỗ đều có sinh và chẳng sinh cho nên phải phân biệt vì tên đồng mà nghĩa khác. Trí dứt hai đức đã không trước sau. Nếu dùng thứ ba mà giải thích thứ nhất, cũng có thể dùng một mà giải thích ba, vì trí dứt đồng thời. Thế tuy chẳng hai mà trước vận trí để dứt hoặc. Há hoặc tự dứt mà trí mới sinh cho nên lại dùng thứ ba giải thích thứ nhất. Lại giả sử thứ ba nêu ở thứ nhất, cũng có thể dùng thứ nhất để giải thích thứ ba. Nói chẳng lụy thứ lại y theo văn thứ. Lại từ nghĩa tiện cho nên như thế. Câu đầu trở xuống là Phật tạng kết, đây đã giải thích đầu, cho nên trong kết cũng o sánh câu đầu tức nhau mà kết. Văn giống trước sau, dùng sẽ đồng thời. Cho nên nói một thời chẳng thể trước sau. Kinh lại giải thích trở xuống là thuật kinh lại giải thích câu thứ ba. Đây là sơ nhắc lại kinh lại giải thích. Nay giải trở xuống là Đại sư giải thích kinh lại giải thích nghĩa. Văn kinh chỉ nói một sinh chẳng sinh. Kinh trước sau giải thích hai nghĩa tự phân. Cho nên nay Đại sư xếp ra hai tướng văn khác nhau. Trước là giải thích trước. Đã nói dứt đức biết đó hoặc diệt của tự hành. Trong đây lại giải thích đã nói Bồ-tát Tứ trụ tức là Bồ-tát dứt bốn trụ rồi thì sinh tự tại. Trước dứt bốn trụ tức như Bồ-tát Thông giáo còn hay tự tại lợi ích chúng sinh, hướng chi là vào Sơ Trụ chân nhân phân khai. Vì người Thông giáo dứt bốn trụ kém, hiển ở người viên dứt năm trụ hơn. Hoặc diệt trở xuống cũng dùng Phật tạng lại kết hai giải. Hoặc diệt là hiện khắc nhỏ để kết giải thích đầu. Hóa hưng là hiển thối để kết giải thích lại. Kinh giải thích trở xuống là nhắc lại câu kinh thứ tư. Tất cả trở xuống là kinh giải. Nay giải trở xuống là Đại sư giải thích. Vì sao Bồ-tát trở xuống là nhắc lại vừa giải thích lại xem là năng hóa. Hữu lậu là sinh tiếp nối chẳng dứt nên gọi là sinh sinh, sinh sinh tức là cảnh sở hóa. Cho nên trở xuống là nhắc lại năng hóa bày ý sinh. Ý ở sở hóa, ấy là trở xuống là kết thành công năng Vô sinh. Ba câu trước đều là năng hóa tha nhân quả trí dứt, câu này tức là sở hóa tha. Bốn trụ trở xuống là Đại sư lại dùng bốn trụ trong sáu trụ của Địa trì mà giải thích Phật trùng thích Bồ-tát Tứ trụ. Địa trì Lục trụ phải là nghĩa biệt, hướng Phật còn dùng thông kém mà hiển bày viên hơn, há không dùng biệt mà hiển bày viên ư? Hướng chi nay lại có Địa trì văn biệt, cho nên dẫn ra mà hiển viên diệu. Luận sáu trụ là từ Mười trụ trở xuống mới được gọi Trụ. Nếu người không có chủng tánh, v.v... là chỉ Bồ-tát mười tín, cho nên nói tuy sinh đường lành, v.v... chẳng ở trong số sáu người, tức là chẳng thuộc sáu trụ. Vì sáu người này đều bất thối, nên gọi là Trụ. Lại nói rất ráo, chính là Bồ-tát Địa cùng chẳng phải vĩnh viễn rất ráo chủng tánh thành

tự, tức là Mười trụ mẫn. Đã dứt kiến tư nên nói không lui sụt. Được ở một người, là người đầu trong sáu. Cho đến hạnh hưởng đều do trong trụ dứt kiến tư rồi mới tiến hành được. Cho nên nói luôn tăng tiến. Tức trụ thứ hai thân làm Sơ địa phương tiện. Trong chủng tánh ở trước đã vào quán không cũng đều là biệt địa phương tiện cách địa rất xa, đến hồi hưởng thân tu Trung quán nên nói phương tiện. Tịnh tâm là Sơ địa, là phá đồng thể kiến. Cho nên nói: Địa tiền Ly ngã phàm phu đều chưa dứt. Tức là kiến địa của Biệt giáo. Hành đạo tích, là Biệt tu đạo vị phá đồng thể tư, quyết định rõ ràng đều phá tư. Kinh xưng trở xuống là dùng luận xếp kinh, đến Hành đạo tích gọi là chân xuất giả, mang giáo đạo nói lý do lập kiến tư. Thứ lớp đến đây còn hay lợi ích lớn, huống chi lại Viên giáo năm trụ cùng tận ư? Huống chi lại một thể trí dứt thành ư? Kinh lại trở xuống là kế giải thích sáu câu. Trong kinh sở dĩ lại nói sáu câu, là vì bốn câu trước nói thẳng nhân quả năng sở Vô sinh. Tên Vô sinh tuy tức là phá chưa phá Vô sinh cho nên nay nói đều chẳng thể nói lại bốn câu trước tuy nói Vô sinh nhưng chưa biết thế nào là Vô sinh, cho nên trong sáu câu nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn sinh và Vô sinh tất cả đều phá. Cho nên sáu câu đều không thể nói, bèn hiển chánh ý văn nay phá khắp. Trước giải thích bốn câu đều chẳng thể nói để nói tự hành. Trong đó trước so sánh câu kinh. Xét đây trở xuống là lược nói ý câu. Nếu phá trở xuống là Đại sư trước lại nêu kinh bản cú. Mỗi câu trở xuống là đều nói chẳng thể nói, tức là nghĩa phá văn đầu là lược xếp. Nói hoặc nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn, nên nói nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn giải hoặc. Chẳng thứ lớp giải hoặc là không thể nghĩ bàn. Giải là năng phá, hoặc là sở phá. Cho nên giải hoặc theo nhau đồng gọi là nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn. Hoặc cùng giải đều phải phá khắp, còn chẳng thể làm không thể nghĩ bàn mà nói, huống nghĩ bàn ư? Cho nên mỗi câu trở xuống đều nói chẳng thể nói. Hỏi: Nghĩ bàn phải phá, không thể nghĩ bàn đâu cần phá ư? Đáp: Lý chẳng phải khắp viên nên đều phải phá. Nếu phá viên là phá viên khác thiên. Chẳng phá lý viên, nên nói chẳng phá trong tâm bậc Thánh đã được Niết-bàn. Vì người chưa được mà chấp thành hý luận, cho nên phà mà thôi. Vì sao trở xuống là giải thích? Trong giải thích bốn câu nghĩ bàn, trong đó trước phá hoặc, kế phá giải. Trước hai câu trong hoặc, câu đầu giải thích thành nghĩ bàn kế giải thích thành không thể nói. Câu đầu nói hoặc giới ngoại, là lý thể chẳng sinh mà hoặc là sinh. Cho nên nói chẳng sinh sinh. Hoặc của giới nói nói là (ngọn ngành), là hoặc của giới ngoại đã là ở sinh, từ trên sinh hoặc lại sinh hoặc. Cho nên nói sinh sinh, giới

ngoại tức là hoặc vô minh giới nội tức là hoặc kiến tư. Có thô tế nên có trong ngoài cho nên xếp vào nghi bàn. Hoặc này trở xuống là bày tướng đối đãi nhau, trước nói sinh sinh là cảnh sở hóa. Nói đều, phàm là sinh sinh đều là sở hóa. Nhân sở có năng nên thành đối nhau. Sở hóa đã chẳng thật có trở xuống là giải thích không thể nói nói năng hóa sở hóa đều không thể nói, cũng như người huyễn vì người huyễn nói pháp. Hỏi: Năng hóa đã là Biệt hoặc, vì sao lại nói tự tại? Đáp: Đã dứt thông hoặc, tức đối với thông hoặc gọi là tự tại. Nếu đối với Biệt hoặc vận là trời cột. Nhánh và gốc đều là pháp tánh, tức quán pháp tánh mà quên mất hoặc gọi là không thể nói. Kế nếu phá trở xuống là phá giải nghi bàn. Cũng trước giải thích hai câu thành nghi bàn. Kế giải thích chung thành không thể nói. Giải của giới ngoại nói là song di, là từ trước được tên cũng là khác thời đối nhau gọi là song, phải nói phá hoặc. Nay nói phần dứt, biến dịch là trong nhân nói quả. Vì hoặc phá nên sinh tử sẽ phá. Phá giới nội hoặc khiến sinh chẳng sinh, nên nói sinh chẳng sinh. Hỏi: Hoặc của giới ngoại đã là năng hóa, có khác gì với giải giới nội? Đáp: Giải của giới nội phá hoặc giới nội, mà được gọi là giải. Sinh giới ngoại đã ở cụ phước kia gọi là hoặc giới ngoại. Tuy phải phân gọi hoặc mà năng chỗ khác. Giải này trở xuống là bày tướng đối nhau. Mười sáu môn khác nên nói các thứ. Từ cạn đến sâu đều thuộc tự hành, trước sau thứ lớp kịp vị hóa tha, đối bốn giáo nói nên thành nhiều thứ nhân quả khác nhau. Như trong quyển một nói bốn hoàng. Lý còn trở xuống là giải thích không thể nói. Bốn thứ Đạo đế là hạnh năng đường diệt lý pháp tánh là lý sở đường, cho nên đều không thể nói. Kế trong phá không thể nghi bàn cũng trước hoặc, kế giải. Giải hoặc này chỉ điểm vô minh đối với lý viên, chẳng phân trong ngoài nhánh gốc khác nhau. Cho nên gọi là bất nghi bàn, trước trong phá hoặc, trước lại giải thích thành bất nghi bàn, nên nói chỉ là vô minh. Vô minh chẳng thật có trở xuống là nói không thể nói. Chẳng thật có chỉ là không thể nói mà thôi. Kế phá giải bất nghi bàn, cũng trước bày tướng không thể nghi bàn, cho nên nói chỉ là viên giải. Ở đây xếp ra viên nhân viên quả. Lý chẳng thiên viên trở xuống là nói không thể nói. Lý chẳng phải thiên nên chẳng thể thiên nói. Lý cũng chẳng phải viên thì làm sao có thể nói viên ư? Dem nó trở xuống là nói ý dùng câu. Phật tự trở xuống là kế nói Đại sư giải thích chỗ Phật giải thích. Cho nên trong câu đầu nêu Phật tự giải thích. Kế nay giải trở xuống là nói chỗ Đại sư giải thích. Ý phù hợp Phật giải thích chỉ hơi rộng. Trong mỗi câu đều nói nương ý chỉ này của Phật, là Đại sư tự nói đã bày ý Phật. Thuật lại ý chỉ Phật để phù hợp với cái thấy của mình. Sinh tức điên đảo trở xuống là

nói không thể nói. Kế giải thích câu thứ hai. Cũng trước nêu kinh giải thích. Nay giới trở xuống là nói Đại sư giải thích lại hai. Trước giải thích sinh sinh, tám tướng đời đời toàn là hữu lậu, tám tướng đời đời đủ như giải thích ở trước. Hỏi: Trong tám tướng nói tiểu sinh đại, trong đây vì sao lấy đại sinh sinh tiểu. Đáp: Vì có đại sinh dẫn khởi tiểu sinh. Cho nên khiến tiểu sinh, sinh ra đại. Sinh sinh cho nên chẳng sinh v.v... là nói không thể nói. Sinh của hữu lậu tức là hư không. Không chẳng thể nói hay nghĩ bàn được, cho nên không thể nói. Chỉ nói hư không, là chỉ lấy pháp tánh hư không đối huyễn giả mà nói. Thật ra phải nói huyễn giả tức là hư không. Giả này nhậm vận thành không thể nghĩ bàn, cho nên chẳng nói riêng. Trong quyển một ở trước, ý trong văn bốn hoàng cũng như thế. Giải thích câu ba cũng trước nhắc lại giải thích kinh. Kế nay giải trở xuống là nói Đại sư giải thích cũng có hai. Trước giải thích sinh chẳng sinh. Sinh tức gọi là sinh là giải thích chữ sinh ở trên. Bát-nhã khi sinh do các pháp chẳng sinh. Sinh chẳng tự sinh trở xuống là giải thích chữ chẳng sinh. Tức dùng bốn câu phá dẹp các pháp. Các pháp phá còn chẳng có câu vô, làm sao có bốn câu. Cho nên Bát-nhã chẳng phải bốn câu sinh gọi là chẳng sinh. Lại khi Bát-nhã sinh trở xuống là giải thích lại, lại dùng chẳng sinh sinh mà giải thích sinh chẳng sinh. Sinh tức Vô sinh, bởi Bát-nhã khi sinh Thế Đế đã chết. Cho nên được tuy sinh mà sinh tự tại, tức là sinh chẳng sinh. Nếu Bát-nhã sinh hạnh là giải thích thành bất khả tư thuyết. Nếu Bát-nhã sinh nhắc lại ở trên là giải thứ hai trong giải đầu, lại giải đầu trong giải kế, nói Bát-nhã khi sinh, nếu tự tại sinh nhắc lại ở trên là giải thích sau trong giải thích thứ hai. Nói mà sinh ba cõi. Hai sinh này đều chẳng thể làm sinh mà nói, vì thể không phải thứ lớp. Kế giải thích câu bốn, cũng trước nhắc lại Phật giải. Nay giải trở xuống là Đại sư thanh tịnh cũng có hai. Trước giải thích chẳng sinh chẳng sinh. Còn chẳng phải trở xuống là nói không thể nói. Y cứ vào đây là xếp câu. Đã nói cực quả biết đó là giới ngoài giải. Kế giải thích câu năm. Cũng trước nêu kinh. Nay giải trở xuống là Đại sư giải thích. Cũng trước giải thích sinh, giới trong ngoài sinh chỉ là vô minh, xem hai câu hoặc nghĩ bàn trước chỉ là một niệm từ duyên sinh hoặc, hoặc này chỉ là vô minh trong chướng. Duyên sinh tức không tức trung trở xuống là nói không thể nói. Giới trong ngoài sinh, nghĩa sinh tuy khác, nay xem đồng là một niệm duyên sinh. Tức không tức trung là sao? Vì thấy một niệm tức rất ráo không. Tức trong pháp tánh trước đối sinh sinh là nghĩ bàn. Thấy nghĩ bàn này là không là trung. Nay thấy một niệm tức đủ ba hoặc, gọi là hoặc không thể nghĩ bàn đạo lý tức giả

tức không, tức trung. Đại ý đồng với trước. Kế giải thích câu sáu, cũng trước nhắc lại kinh. Nay giải thích trở xuống là Đại sư giải thích, cũng có hai. Trước giải thích chẳng sinh, cũng xem giải hai nghi bàn trước. Tức là giải không thể nghi bàn trong đây. Cho nên nói: Và giải giới trong ngoài đều là được. Được tức là đến lý, lý dứt tâm miệng trở xuống là nói không thể nói, chẳng thể lại làm viên lý mà nói. Lý không nói nên gọi không thể nói. Phật vì trở xuống là tùy kết phá khắp. Thiên viên giải hoặc đều chẳng sinh, đều chẳng thể nói nên gọi là khắp y Phật tạng trở xuống là dùng chung Phật tạng chung kết bốn câu sáu câu từ trước đến nay. Nói bốn câu trước vừa thối vừa khạc nhỏ, là kết bốn câu đầu. Trong bốn câu đầu thì câu đầu tức là thối mà khạc nhỏ, câu thứ ba kế tức là khạc và thối. Kế câu thứ hai là thối khạc thành tự. Câu thứ tư là thối khạc sở hóa. Phải biết trong ba câu trước trong các câu đều có thối có khạc. Câu thứ tư, nếu chỉ y cứ sở hóa thì nghĩa thuộc thối, thối chẳng dùng riêng, nghĩa phải tức khạc. Nếu dùng sở hiển năng thì toàn là công dụng thối khạc. Hai câu sau, tức là hai câu sau trong câu đem hai câu này mà hai hướng dụng. Ở cuối sáu câu đồng gọi là khạc, khạc chỉ là phá, phá chỉ là không thể nói. Cho nên trong sáu câu, câu đầu đều nói không thể nói, nếu đem kết văn bốn câu ở trước, thì hai câu đã là giải hoặc không thể nghi bàn. Giải hoặc tức nhau trí dứt chẳng hai, đồng nghĩa với thối khạc. Cho nên dùng kết trí dứt bốn câu ở trước. Đây bèn chỉ dùng thượng sinh chẳng sinh, chẳng luận hai câu dưới không thể nói. Cho nên dùng chữ sinh để kết thối trước dùng chữ chẳng sinh để kết khạc trước. Nếu gồm câu sau trở xuống là không thể nói. Cũng kết trước, là kết thối khạc trước đều tức nhau, cũng chẳng thể làm tức nhau mà nói. Lại Lăng-già nói trở xuống là lại dùng Lăng-già giải thích thành sáu câu. Trước giải thích Lăng-già, kế kết Đại kinh đồng với Lăng-già. Trước giải thích nghĩa Lăng-già. Kinh ấy phẩm vô thường thứ tư nói Đại Tuệ bạch Phật, như chỗ Phật nói: Vào đêm thành tối Chánh giác, đêm nhập vào Bát Niết-bàn, khoảng giữa chẳng nói một chữ, chẳng đã nói, chẳng sẽ nói, chẳng đang nói là Phật nói bạch Thế tôn, y vào lời mật nào mà nói như thế. Phật bảo y vào hai lời mật, tức là tự chứng pháp và bản trụ pháp. Nhưng một đời bày hóa há không có quyền trì giáo bị vật. Chỉ y cứ hai thứ này không hề có nói, cho nên nói chẳng nói. Nay nói tự pháp chỉ y cứ tự chứng. Tự chứng trở xuống là giải thích hai pháp trong kinh vừa nêu. Cũng trước nêu kinh mà giải thích. Giải thích đầu trong tự pháp nói Như lai, tức là Chư Phật quá khứ cho đến Chư Phật mười phương hiện tại cũng Phật ấy chứng một thể chẳng khác.

Chẳng nhiều chẳng ít gọi là chẳng thêm bớt. Là nói năng v.v... tức là lại giải thích chỗ là pháp tự chứng. Giải thích rằng trở xuống là nay giải thích ý kinh. Là nói năng là kinh ấy quyển bảy nói: Là nói năng là chẳng thể nghĩ bàn. Là vọng tưởng là chẳng thể nghĩ, là văn tự nói hai đường là phức sơ giải thích nói năng giả danh trước y cứ pháp tự chứng thì có văn tự gì. Sự tình vọng chấp chỉ là năng thuyết năng tự năng danh tức kính sở thuyết sở tư sở danh, tức là chân thể, cho nên phức sơ nói hai đường đều là. Vì sao? Vì ở trong tự chứng chẳng thấy năng sở gọi là là hai đường. Bản trụ trở xuống là kế giải thích pháp bản trụ, tức là Phật tự hành đạo sở hành và Phật vốn chứng lý thật tướng, đều chẳng phải tu thành chẳng phải tác pháp cho nên khắp tất cả chỗ. Chẳng thể sửa đổi nên gọi là Trụ. Lý là chỗ đến, đạo là chỗ làm. Cho nên nêu thí dụ rằng: Đều không phải người đi, người đến ra làm. Cho nên vốn có đạo vì người chỗ làm há hành giả làm vốn có lý thành do bản đạo mà đến cũng do người thực hành mà đến được lý. Cho nên đều chẳng do người đến năng làm. Kinh trước lại nói: Pháp bản trụ, như vàng ở trong quặng và thành đến, quặng giống gốm khác thành ắt từ viên. Kinh nói trở xuống là dẫn kinh ấy giúp giải thích. Văn kế kinh ấy tức dùng thành tựu xưa làm dụ. Phật hỏi Đại tuệ: Thành ấy và đường đều là vật trong thành, là người vào đó làm ra chăng? Đáp: Không phải sĩ phu người đi chỉ tùy đường thường trụ vốn có mà đến tướng thành thật, được vật bí tạng muôn đức, vì được vui như ý Niết-bàn, vốn mong Niết-bàn nên nói như ý. Phải biết trở xuống là kết chung ý trước, không phải miệng nói là chẳng thể bàn, chẳng phải phân biệt là chẳng thể nghĩ. Xưng bản pháp nên chẳng thể thay đổi nghĩa này trở xuống là hội đồng với trung. Bên lấy sinh sinh làm bản pháp. Trước giải thích sinh sinh mà chỉ pháp hữu lậu. Nay chỉ thể hữu lậu toàn là lý. Hỏi: Giải thích trước vì sao nói là sở hóa, nay vì sao nói là bản pháp. Đáp: Tất cả sở hóa đều là bản pháp. Cho nên Pháp sư Hiểu nói: Nước và sóng tốt sóng thấu suốt nguồn nước, sinh thuận theo duyên sinh chẳng thể nói, kết sinh sinh ở trước chẳng thể nói. Cho nên văn trước giải thích rằng: Sinh tức hư không nên chẳng thể nói. Nay cũng giống như thế. Thuận theo duyên sinh chẳng thể nói, vì sinh tức trung. Nêu câu hai, ba y theo trước sẽ biết. Chẳng sinh chẳng sinh tức rất ráo là trí dứt rất ráo. Các thứ kia đều đồng với trước. Đại kinh nói mười nhân duyên trở xuống là kế nói có thể nói. Phạm trong các văn chẳng thể nói sau sẽ nói có thể nói. Trước tự chứng rồi sẽ hóa tha. Trong mười hai nhân duyên chẳng nói sinh tử, đây là thuộc vị lai. Nay nói từ quá khứ đến hiện tại để thành căn cơ, cho nên

chẳng lấy. Vì thế trong Đại Kinh tiếp trước chẳng thể nói văn sau. Tức nói mười hai pháp nhân duyên là sinh làm nhân. Cái gọi là mười nhân sinh làm nhân. Vì hạt giống xưa ở trong hành vô minh lại đến đời này, lại y bốn nhóm hợp mà khởi ái thủ hữu. Hiện tại nghe pháp phát nhóm hợp, trong đây nhân duyên lại nói bên chúng sinh mười nhân duyên, cũng phải nghĩa gồm cảm ứng nhân duyên, nghĩa là cảm Phật bốn nói tức nghĩa nhân duyên. Văn Địa Trì kia lập bốn chủng tánh. Trong đó chủng tánh Thanh văn gọi là nhập diệt hẳn, không phải nay dùng. Nhưng

luận Du-già, Kinh Giải Thâm Mật, v.v... đều thuộc bộ Phương Đẳng. Bất Bể rằng: Vĩnh viễn vào sách phát khiến khởi. Như trong kinh Tịnh Danh. Ca-diếp tự kể rằng đối với Đại thừa này như hạt giống hư, hạt giống hư làm sao sống lại được. Đến hội Pháp Hoa thì căn cơ được thọ ký. Cho nên văn nay lại phụ vào Phương Đẳng. Chỉ lấy bốn tánh đối với bốn giáo, nghĩa vị thâm hợp. Hỏi trở xuống là trong phân biệt văn đầu khiến lập câu thứ tư, phó cơ là lập, câu thứ sáu là phá. Trong bốn câu trước có trí có dứt tức là nghĩa phải vừa phá vừa lập. Trong đáp cũng dùng văn Đại kinh mà đáp. Văn ấy giải thích cảnh năm hạnh đã xong.

Kế nói mười công đức rằng: Mười việc công đức chẳng thể nghĩ bàn, không khó không dễ, v.v... phải biết mười đức đều chứng Trung đạo. Năm hạnh mười đức này từ xưa có nhiều giải thích. Dao Lượng nói: năm hạnh là lược, mười đức là rộng, đều dùng hai đức mà đối một hạnh. Tống sư phá rằng sáu trước đối ba tướng mạo có thể như thế, bốn sau đối hạnh hoàn toàn chẳng tương ứng. Quang Trạch nói: Hạnh và công đức là một thể mà khác tên, đều từ nhân đến quả. Khai Thiện nói: Năm hạnh cạn, mười đức sâu. Năm hạnh, là bắt đầu từ sơ tâm chót đến Địa tiền. Mười đức, bản chất từ Sơ địa cho đến Kim cương tâm. Nếu làm nghĩa riêng Khai Thiện rất thân, nếu y nghĩa viên, rất giống Quang Trạch đủ như Huyền Văn nói viên năm hành. Nhưng cũng chẳng toàn dùng kinh ấy. Chỉ văn kinh ấy gồm Viên mang Biệt, mười địa chứng đạo tuy đồng với viên. Địa tiền giáo đạo chưa hề nghe, cho nên nói chẳng thể nghĩ bàn, người nghe quá lạ. Hà Tây nói: Nếu y theo bản Phạm thì phải nói ít có đặc biệt. Độn căn tiểu trí nghe thì quá lạ sợ hãi, người dịch lược bỏ, chỉ nói chẳng thể nghĩ bàn. Chương An giải thích rằng: Sâu không có đáy nên sợ, rộng không bến bờ nên quá lạ. Không phải phân biệt mà biết được nên chẳng phải khó, trí Nê-hoàn chẳng bằng nên không phải dễ, không phải chân nên không phải trong, không phải trực nên không phải ngoài, không phải sắc nên không phải tướng, không phải tâm nên không phải phi tướng, không có tới lui xưa nay nên

chẳng phải thế pháp, không ở giữa không ở một bên nên không có tướng mạo, dứt bốn lìa trăm nên thế gian không có. Trong số chẳng giải thích không phải vuông tròn tà nhọn. Nay giúp giải thích rằng: Không biệt nên không phương (vuông), không thông nên không viên (tròn). Không không nên không nhọn, không có nên chẳng tà. Nếu nói theo chẳng phá chẳng lập, vì chẳng phá nên chẳng khó, chẳng lập nên chẳng dễ. Chẳng phá nên chẳng trong, chẳng lập nên chẳng ngoài, chẳng lập nên chẳng phải tướng, chẳng phá nên chẳng phi tướng. Chẳng phá nên chẳng viên, chẳng lập nên chẳng phương. Chẳng lập nên chẳng nhọn, chẳng phá nên chẳng tà. Kế là hỏi: Viên có bốn môn, nếu Vô sinh nhiếp hết thì đâu cần dùng môn. Ý đáp: Nay nói Vô sinh thì nói Vô sinh nhiếp hết, nếu nói các môn khác thì phải mỗi đều nói nhiếp hết. Nay từ hạnh tiện lại nói Vô sinh. Cho đến khai thành ba mươi hai môn, đâu chỉ có bốn. Đã nói trí dứt hai đức để đều lập môn, ba mươi hai môn không hề khác nhau, tùy nêu một môn thì nhiếp hết ba mươi một. Trăng Không thêm không bớt. Thí dụ chẳng khác mà khác y cứ bên hoặc trí mà nói có thêm bớt. Thấy có thêm bớt mà thể trăng luôn tròn. Các môn y vào hai đức trí đoạn chỉ từ năng nhập khác nhau, mà lý thể không hề sinh diệt. Đại Kinh nói: Nhân núi Tu-di nên có đầy vơi (tròn khuyết) Câu-xá lại nói gần mặt trời nên tự thể bị che. Các kinh Tiểu thừa phần nhiều nói bạc trắng lưu ly dần dần giúp hiện nên có thêm bớt. Nay lấy ý này dụ cho không thêm bớt, ý rất tiện. Nếu Vô sinh trở xuống là dùng môn kết khắp. Hỏi: các môn Vô sinh đều gọi Vô sinh v.v... Môn gọi Vô sinh thì tất cả đều phải gọi Vô sinh, trong các câu trước vì sao lại nói Vô sinh sinh, v.v... Vô sinh sinh là câu thứ nhất trong bốn câu đầu, sinh sinh là câu thứ tư. Sinh tự tại nên là câu thứ ba. Dẫn ba câu sinh để hỏi Vô sinh. Ý đáp: Ba câu nói sinh đều là công năng Vô sinh. Kế chánh nói trong phá pháp khắp trước nêu ba chương. Trong mỗi chương đều nói từ thí đến chung hết nguồn cội, là trong Tiêu thăm nói ý trong chương. Hết nguồn cội là ngang khắp, hết đáy là dọc cùng. Dọc phá rõ ràng có thủy có chung. Trong mỗi kiến, mỗi phẩm tư đều là pháp giới. Môn dọc mỗi pháp cũng đều lại có từ thí đến chung, trong môn chẳng hai đều ngang dọc, như thế đều ngang dọc chẳng hai. Nếu muốn lại từ ba chương đều nói, thì ba hoặc đều khắp nên gọi là ngang khắp chung đến thật tướng nên gọi là đến cùng. Mỗi hoặc trí lý chẳng phải ngang dọc. Trong ngang mỗi pháp cũng giống như thế. Lại nhiếp ngang tất cả gọi là ngang khắp, không gì chẳng viên cực nên gọi là dọc sâu. Tuy có ba văn chỉ thành hai nghĩa, tức là thứ và chẳng thứ. Ngang dọc chỉ thành thứ lớp. Tuy có hai

nghĩa cùng thành một tâm. Phải biết trong dọc đầy đủ có ngang cho đến chẳng hai hai thứ kia cùng loại. Cho nên nói dọc thì nói cao, cho đến không dọc mà chẳng rộng. Pháp Hoa ý xe lớn cũng như thế. Phải biết chỉ là xe lớn cao rộng. Cho nên biết ngang dọc chỉ nói tương nhập, chẳng được chẳng hai chưa khỏi tung ngang. Tuy ngang dọc đều khắp phải biết chẳng hai. Cho nên kế giải thích rằng: Không phải ngang không phải dọc. Tùy văn mà thấy, đâu hề gì mê sâu. Cho nên một nhà giải thích nghĩa trước chung kế riêng, sau lại kết nắm chỗ về của ý đầu ý tuy vì hiển chẳng hai, lại y chương môn ngang dọc giải thích, thì ở trong một, thì ngang dọc phân xét cạn sâu chẳng loạn, một môn Vô sinh trở xuống là trước nêu chương dọc, cũng trước nêu xong. Kế như đây trở xuống là nói ý chương dọc. Văn này rõ ràng mượn, ba hiển một, vì sao bỏ đây mà mạn chỉ thiên văn. Đại luận trở xuống là dẫn luận chứng ý mượn ba hiển một. Cho nên trong đây văn ba nghĩa ba. Ý ở độ nhập qui ở chẳng hai, trong một tâm phá cho nên mỗi câu trong văn sau đều có một văn một nghĩa một ý. Chẳng phiền văn nên lại lập sáu chỗ. Hoa Nghiêm trở xuống là lại dẫn ý Hoa Nghiêm để hiển bày nay. Kinh ấy hai căn mà phân ra hai ý. Đây cũng trước nói thứ, sau nói chẳng thứ. Cho nên giống đó. Nói thứ, là ý cũng thành viên đốn, chẳng thứ đồng với nay. Nếu luận văn nay y cứ quán chỉ là mượn riêng hiển chung. Toàn chẳng phải ý Biệt giáo lại thành khác. Pháp Hoa chỉ một thì khai độn thành lợi. Người đều khai, pháp cũng không hai, chính phải ý nay. Nay muốn trở xuống là hiển nguyên ý văn các giáo đã thế, nay cũng ý đó. Cho nên bày tiếp nối, là dự ở văn trước xa điểm sáu chỗ, kết toát yếu. Một là phá kiến vị sau, hai là phá tư vị sau, là trong bốn môn phân biệt, bốn là xuất giả lợi ích vị, năm là kết phá pháp khắp văn sau, sáu là văn đầu tu Trung quán. Với sáu văn này hết lòng chỉ ra, hiển bày rõ ràng Tục giả còn tối. Nếu trầm mật ẩn ánh làm sao hiểu rõ. Cho nên nghịch để võng lãnh đến văn nêu lại, đây vẫn chẳng luận tiêu chương chỉ ý chỉ thẳng trong văn có sáu lớp này. Trước giải thích từ thấy giả vào hư không, trước nói từ giả mà được tên. Kế giải thích đương thể thọ xung (do tên gọi). Trong văn trước lại giải thích chung rằng kiến hiện tại, v.v... là nói thấy chỗ theo mà sinh cho đến công năng hay chương. Như ngọn lửa trở xuống là nêu thí dụ. Lửa mộng (mộng thấy lửa) là kiến hoặc, không giác là chân thể, hoặc này trở xuống là hợp. Nhưng thấy thì thấy lý trở xuống là giải thích từ giả mà được tên. Kiến hoặc trở xuống là nêu giải thích. Riêng trong bốn kiến cũng trước nêu bốn kiến. Trong một trở xuống là trước nói mười sử lợi độn trong có kiến.

Trước trong lợi nghĩa là có ngã, người ngoài chấp ngã hoặc như mè đậu chỉ hoặc chấp khắp thân, thân thân bốn câu và một khác v.v... chấp ngã chẳng mất gọi là ngã kiến, chấp ngã dứt thường gọi là Biên kiến. Do chấp dứt thường mà chẳng tin nhân quả, lại chấp ngã này xem là tự nhiên mình sơ thể tánh. Thể tánh tức là hai mươi lăm đế và sáu đế v.v... hoặc chấp từ cha mẹ, cát bụi, Phạm thiên sinh ra, đều gọi là Tà kiến. Chấp tà là đạo gọi là chẳng phải nhân chấp nhân gọi là giới thủ kiến, nghĩa là nhân kiến này chung đến Phi tướng. Tin này chẳng phải khác gọi là kiến thủ, là pháp của mình, ái trở xuống là nói nhân kiến hoặc mà khởi độn sử. Như thế trở xuống là trái ba cõi bốn đế hết tám mươi tám sử. Như văn sẽ thấy. Ba cõi gồm có năm mươi hai độn, ba mươi sáu lợi độn năm mươi hai là cõi dục hai mươi, bốn đế đều năm, thượng giới không sân chỉ có mười sáu, hai giới trên hợp thành ba mươi hai, cùng dục hai mươi hợp thành năm mươi hai. Lợi ba mươi sáu, là ba cõi đều có mười hai. Như trong cõi dục khổ trở xuống đủ năm, đạo trở xuống có ba trừ thân biên, nhóm hợp diệt đều hai trừ thân biên giới thủ, hợp thành mười hai. Hai giới trên cũng như thế ba mươi sáu và năm mươi hai hợp thành tám mươi tám. Hỏi: Bốn đế trở xuống hoặc y lý giáo vào mà phân biệt khác nhau. Đáp: Theo A-tỳ-đàm, coi trên không có sân. Hỏi: Vì sao thân biên chỉ ở khổ? Đáp: Kiến này y thân nên gọi là thân kiến, y ở thân kiến mà khởi biên kiến. Trừ ba không phải thân nên không có kiến này lại kiến khổ dứt cho nên ở khổ dưới. Hỏi: Giới thủ vì sao chỉ ở khổ đạo? Đáp: Chỉ chỗ khởi của nó. Hỏi: Giới thủ là nhân khổ đế là quả, vì sao ở khổ. Đáp: Chấp nhiều khổ hạnh coi là nhân thật, cho nên ở khổ dưới, chẳng phải ra khỏi đạo nên là vọng, gọi là xuất đạo. Cho nên lại ở chỗ đạo năng khởi. Nhóm hợp diệt khác ở đây, nên không có thân kiến vì không thân kiến nên cũng không có biên kiến. Nhóm hợp diệt chẳng phải đạo nên không sinh giới thủ. Lại giới thủ ở hai đế khổ đạo dưới, vốn là trong đạo thấy khổ năng đoạn, vốn là ngoài đạo thấy khổ năng đoạn, nên chỉ ở hai. Hỏi: Trong tám mươi tám, sơ quả chỗ đoạn, đã chỉ kiến hoặc, vì sao trong đó lại có năm mươi hai tư? Đáp: Tư này y kiến, kiến là căn bản, chỉ đoạn ở kiến, vì rễ hư thì cành khô, nếu mê việc tư thì trong đây chẳng nhiếp. Nên nói là pháp của mình. Ái tức chỉ cho năm kiến là pháp của mình. Hỏi: Trong tu sở đoạn vì sao không nghi? Đáp: Kiến đạo đã đoạn lý hợp không nghi. Còn ba kiến kia trở xuống chỉ lệ ở có thì ba kiến có thể hiểu. Chỉ lấy vô đẳng làm căn bản. Như chấp ngã là không, cho đến chẳng phải có, chẳng phải không. Nếu trái trở xuống là nói trái sáu mươi hai đều sinh tám mươi tám. Lãng mạn là

sống trôi. Mạn là tản mạn, chơi bời buông lung nói đảo hoặc này như sống dôi. Năm mươi giáo kể trở xuống là nói sinh một trăm lẻ tám. Kinh này do An Thế Cao dịch vào đời Hậu Hán, chỗ lập pháp tương hơi khác các kinh. Kinh nói được ở tại Vương-xá Bồ-tát, mười phương hỏi Phật vì sao các hạnh nhân duyên khác nhau. Phật nói: so sánh năm căn cho đến ý thức là gốc tất cả pháp, được trí mười phương Phật. Hỏi: Vì sao đầy đủ hạnh đạo? Nghĩa là thường giữ căn thức mà tu so sánh là Bồ-tát sáng, nếu không tu so sánh là Bồ-tát si. Hỏi: Vì sao chẳng tu so sánh là si mà tu so sánh là sáng? Phật dùng năm mươi pháp mà đáp trong mỗi pháp đều nói so sánh, nên nói năm mươi so sánh. Trong mỗi pháp đều có một trăm lẻ tám. Trước là một trăm lẻ tám si, kế một trăm lẻ tám dục, cho đến được một trăm lẻ tám chân, chứng minh một trăm lẻ tám tận lực. Các Bồ-tát hỏi: Một trăm lẻ tám gồm những gì? Phật nói có chỗ nghỉ chẳng tự biết trong tâm sinh tâm diệt có ẩn có nhóm họp, chẳng biết là si. Chuyển nhập ý địa cũng giống như thế, thức cũng giống như thế. Đó là ý ba, là thấy sắc tốt, sắc trung, sắc xấu, chẳng tự biết trước, chẳng tự biết diệt, có ẩn có nhóm họp. Cho đến xúc cũng giống như thế. Kinh ấy chỉ nêu sáu căn đều sáu, tuy chẳng nói ba đời mà kết là một trăm lẻ tám. Cho nên biết là y cứ sát-na mà làm ba đời. Đã dùng ba thứ tâm ý thức làm ý địa ba, cho nên chung ba đời. Như nói nhóm họp khởi gọi là tâm sáng lưỡng gọi là ý, phân biệt biết gọi là thức. Ý ba đã thế. Cho nên khiến chỗ y năm căn cũng như thế. Ba đời có cái ba mươi sáu, cho nên có một trăm lẻ tám. Kinh lại hỏi rằng: Nếu con biết một trăm lẻ tám si diệt là si hay là sáng? Phật nói: Chưa sáng. Các Bồ-tát hỏi: Vì sao như thế? Phật nói: Cũng có một trăm lẻ tám si, cho đến chưa được một trăm lẻ tám tận lực. Vì trong niệm niệm chẳng lìa sáu căn sát-na ba đời. Cho nên mỗi kiến đều có một trăm lẻ tám. Cho đến năm mươi cái một trăm lẻ tám phiền não. Cho nên kinh ấy chép: Khởi tâm động niệm sinh tử vô tận. Nếu theo Đại luận sáu căn đều ba thọ, ba thọ đối ba trần, ba đời thành một trăm lẻ tám. Đây là y cứ quả báo để nói ba đời. Nếu trong các luận lại dùng mười thiên thêm tám mươi tám thành chín mươi tám, thêm mười tư chỉ hợp một trăm lẻ tám. Nói mười thiên, luận rằng: Thiên có tám là tà, quý, tật, san và hối miên, và trạo cử, hôn trầm. Hoặc mười thêm phần - phú. Cho nên biết niệm niệm có đến một trăm lẻ tám. Lý chung nghĩa riêng. Đại Luận lại dùng chung mười bốn câu hỏi mà nhiếp sáu mươi hai kiến. Nghĩa là ba đời đều bốn câu và hai câu căn bản. Có câu hỏi này chẳng nên đáp. Phải biết trở xuống là kết. Tâm tối mắt mù nên chẳng thấy, tối nên chẳng giác (biết)

tức là tâm vô minh tối, mắt trí tuệ mù. Nên chẳng thấy chẳng biết lý chân đế. Thế giảng trở xuống là chê lầm vì nó chẳng biết đều là kiến, nên lầm sinh lấy bỏ. Giảng là giải riêng, lời này trở xuống là nói nhằm thấy sót kinh phụ tâm. Người đời chỉ nói ba thứ trước là kiến hai bốn không phải kiến, trong sáu mươi hai có phân nửa. Nên nói thiếu ít. Cho nên sót kinh. Nói phụ tâm, nếu thực hành kiến này chỉ có lỗi sót kinh, nếu dấu biết đối lời thì có lỗi phụ tâm, trung luận trở xuống lại chứng có không đều là tánh chấp chấp tức là kiến. Không đã thành kiến, phải biết câu thứ tư cũng đều là kiến. Lại đây trở xuống là nghiệm đều chứng, cho nên biết thuộc kiến. Các ngoại đạo trở xuống là chỗ được của người tà. Nghiệm biết kiến ấy văn trước nêu chung chỗ chấp của ngoại đạo để nói người quấy. Nói bản kiếp, bản kiến, v.v... là Trường A-hàm quyển mười ba nói: Phật bảo Phạm Chí Thiện Niệm bản mặt kiến này chẳng ngoài sáu mươi hai. Bản kiếp, bản kiến mười tám, mặt kiếp mặt kiến bốn mươi bốn, hợp thành sáu mươi hai. Nói mười tám có bốn mươi bốn câu và hai căn bản. Bốn câu đầu, là một kiến, hai mươi kiếp thành bại. Hai kiến bốn mươi kiếp, ba kiến tám mươi kiếp, bốn là ùng trí nhanh chóng mà nói. Bốn câu thứ hai, một ngã và thế gian, nửa thường nửa vô thường, hai kế do cười giỡn. Ba là chấp thất ý sinh, bốn dùng trí nhanh chóng mà nói (là nói trí nhanh chóng). Bốn câu thứ ba: Một thần và thế gian có biên (bờ bến?), hai là vô biên, ba là phương trên dưới có biên, bốn là phương vô biên. Bốn dùng trí nhanh chóng mà nói. Bốn câu thứ tư: Một là ta chẳng biết chẳng thấy thiện ác có báo không báo ư? Hai là ta chẳng biết chẳng thấy có đời khác không có đời khác chăng? Ba là ta chẳng biết chẳng thấy gì là thiện gì là ác chăng? Bốn là ngu si ám độn tùy người khác hỏi đáp. Hai câu căn bản gồm: Một là định ý biết chúng sinh vị lai không nhân duyên mà có, hai là trí nhanh chóng mà nói. Kế mặt kiếp mặt kiến bốn mươi bốn câu, trong bốn mươi bốn câu đầu, bốn câu thứ nhất có tướng: Một là ta chết đây đời sau sinh có sắc có tướng, hai là sinh không sắc có tướng, ba là sinh có sắc không sắc có tướng, bốn là chẳng phải có sắc chẳng phải không sắc có tướng. Bốn câu thứ hai: Một là có tướng, hai là chừng ấy tướng, ba là thiếu (ít) tướng, bốn là vô lượng tướng thứ hai, có hai mươi bốn câu. Bốn câu đầu, dùng có sắc không sắc đối không tướng thành bốn câu. Như bốn câu đầu, chỉ dùng vô tướng thay cho có tướng. Bốn câu kế, dùng có biên vô biên để đối vô tướng thành bốn câu. Như trong văn đều kế nói bốn câu chỉ đối vô tướng để thay có tướng. Thứ ba có hai mươi bốn câu. Bốn câu đầu, có sắc không sắc đối với chẳng phải có tướng chẳng phải

không tưởng thành bốn. Bốn câu kệ, có biên vô biên đối với chẳng phải có tưởng chẳng phải không tưởng thành bốn câu. Hai trăm hai mươi bốn này đều bốn mươi bốn trước hợp thành ba mươi hai câu. Lại có dứt kiến bảy câu: Một là nếu Sa-môn Bà-la-môn soạn luận ấy, thân ta từ cha mẹ bú mớm áo cơm nuôi lớn mà sinh, chết rồi thì tiêu mất; hai là trời sinh cõi Dục đầy đủ dứt diệt; ba là các trời sinh cõi Sắc có đủ dứt diệt; bốn là không xứ; năm là thức xứ; sáu là bất dụng xứ; bảy là Phi tướng Phi phi tướng xứ. Kệ thường kiến có năm câu: Chấp tất cả chúng sinh hiện tại Niết-bàn, một chấp hiện tại năm dục tự vui được Niết-bàn; hai là Sơ thiên; ba là Nhị thiên, bốn là Tam thiên; năm là Tứ thiên, hợp thành mười hai câu, và ba mươi hai câu trước hợp thành bốn mươi bốn câu. Kinh giải thích rất rộng, số tuy sáu mươi hai nhưng chẳng ngoài đơn bốn cú kiến. Năm đầu nhỏ tóc, tức trong sáu mươi hai kiến có vô đẳng kiến, đúng sai lẫn nhau. Như Đại Kinh quyển mười tám trong Dục: Kỳ-bà vì Xà vương làm ngoại đạo, nói rằng: Thấy hai đứa trẻ đánh nhau nắm đầu nhỏ tóc. Chương An giải thích rằng: Hai đứa trẻ là dứt thường, có không, đúng sai lẫn nhau là như nắm đầu nhỏ tóc. Nhân đã chẳng thiện, quả khổ vô biên, cho nên sinh tử rõ ràng. Như Trường Trảo v.v... kể nêu Trường Trảo cũng chẳng ngoài bốn câu. Đại Luận quyển một chép: có ngoại đạo Phạm Chí tên là Trường Trảo, cũng gọi là Tiên-ni hay Bà-sai, hoặc Tác-giá-ca, hay Ma-kiền-đề, là Đại luận sư chấp tất cả luận có khả năng phá, tất cả lời có thể hoại, tất cả chấp có thể chuyển, cho nên pháp không có thật pháp đáng tin đáng kính. Như trong kinh Xá-lợi Phất Bản Mạt có nói: Mẹ Xá-lợi-phất là chị của ông. Chị mộng thấy một người, đủ như trong Pháp Hoa Sở nói duyên Xá-lợi-phất, v.v... học xong trở về nước tìm cậu mà chẳng thấy, đến hỏi Thế tôn rằng: Tất cả luận có thể phá v.v... Phật dùng một câu trách rằng: Ông thấy là nhãn chằng, suy nghĩ lâu chẳng được một pháp vào tâm bèn bảo Sa-môn Cù-đàm chấp ngã bỏ vào hai phụ môn. Nếu ta đáp nhãn là phụ môn thô thì mọi người đều biết mà bảo rằng: Vì sao tự nói bất nhãn mà nay nói nhãn, hiện thấy nói dối? Nếu đáp rằng tôi thấy bất nhãn là phụ môn tế. Không người biết thì liền đáp rằng: Kiến ấy cũng bất nhãn. Phật nói bất nhãn là kiến lấy gì là phá người khác, mọi người chẳng khác, vì sao tự cao mà sinh mạn? Trường Trảo do đó chẳng thể đáp, Phật tự biết đọa phụ. Thế tôn chẳng bày lỗi ta chẳng nói phải quấy, tâm điều mềm mỏng, được pháp nhãn thanh tịnh. Tức thuộc đơn bốn câu chẳng thuộc có kiến, chẳng thuộc không kiến. Nếu theo văn sau cùng ý trong đây. Trường Trảo nghĩa phải trong đơn bốn kiến ba kiến sau và không nói

kiến. Nếu nói tất cả chẳng thọ tức giống như vô kiến. Cao trước trở xuống là so sánh giải thích, tức chỉ Trường Trảo là bậc cao cấp trong hàng ngoại đạo, chỗ học đã (nổi tiếng) còn chưa xuất đôn, hướng chi các người khác ám độn tùy thời hỏi đáp ư? Nay xếp trở xuống là nhà nay xếp Bản mặt chấp trước, v.v... đều chẳng ngoài đôn. Kế nói phức kiến, cú biệt có hai nên gọi là Phức. Mỗi câu đều duyên pháp trần mà khởi v.v... Ở mỗi câu trở xuống là nói phức kiến sinh hoặc. Đây đủ trở xuống là nói câu đầy đủ, câu pháp đến bốn, nay trong một đủ bốn, nên gọi đầy đủ. Tuy là đôn phức khác nhau, đều dùng bốn làm câu pháp. Cho nên đều nói bốn chỉ trong ba mươi bốn đôn phức đủ khác, được ba câu danh mà thôi. Đôn thì bốn người, phức thì tám người, đủ mười sáu người trong phức một lần nêu câu. Tuy giống đôn trên bốn câu đều thêm có không. Nhưng có có đồng đôn, có không chẳng đồng, đôn không chỉ ở trên có thêm không, trên không thêm có. Thứ ba thứ tư đều thêm hai câu (thêm hai câu ba, bốn). Câu pháp phải nói vừa có vừa không vừa có vừa không, chẳng phải có, chẳng phải không có, chẳng phải có không phải không không. Văn nay khai ở hai, cũng song phi hợp có không. Khai hợp này hoặc viết lầm, hoặc có ý riêng. Trong bản thứ hai, đều chẳng nêu câu, chỉ nêu thẳng rằng: Phức đủ mà thôi. Đây là khi sửa mà thêm vào, phải là vốn nghe đủ văn mà nêu giải thích. Nay thêm chẳng là nói riêng. Cho nên trên bốn đôn lại thêm sáu câu để làm câu phức, đầy đủ bốn câu một lần cũng giống đôn bốn trên đều thêm bốn câu. Nhưng cũng có có đồng đôn có không, không đồng đôn không. Lương diệc (cũng hai) ở trên tuy thêm lương diệc (cũng hai), đồng đôn lương diệc (cũng hai). Trên song phi tuy thêm song phi, đồng đôn song phi. Cho nên ở trên đôn trước thành thêm mười hai câu, ở trên phức trước chỉ lại thêm sáu cùng đôn phức trước thành mười sáu. Ấy thì ở trên mười bốn câu lia mà làm hai mươi tám người, kế (chấp) chỉ thành mười sáu câu mà thôi, cho nên trong sáu mươi hai đều không đủ phức. Kế một câu dưới là đủ chỗ sinh hoặc. Kế nói bật lời nói, bật thấy nghe, mỗi pháp trở xuống là các bốn câu sau, đều có bật lời, đều sinh chừng ấy các hoặc chẳng thôi, cho nên nói mỗi một. Lại y cứ trở xuống là kế nói y Phật pháp mà sinh kiến. Cũng có bật lời cùng chỗ sinh hoặc. Các thứ ấy đều như văn. Lại nữa trở xuống là đương thể gọi kiến, kiến chỉ là giả, giả chỉ là nghĩa chẳng thật. Được tên tuy khác thể kiến vẫn không khác. Sở dĩ lại ở đương thể mà lập giả danh là muốn ở mỗi lập nghĩa ba giả. Biết thể kiến là giả, cho nên trước nói thể kiến là giả, giả tức ba giả. Lại văn trước nói: Từ giả được tên thấy lý mới dứt. Vì sao thấy lý ắt thôi ba

giả? Cho nên lại nói: Đương thể gọi là giả, phải dùng bốn câu phá giả. Giả đã phá nên thấy lý, cũng phải hợp rằng: giả đã sinh hoặc. Đây giải thích ba giả, vì phá hoặc nên chẳng sinh hoặc. Nếu không có bốn câu và tánh tướng thì không còn sinh hoặc. Cho nên đây chưa nói sẽ nói ở văn sau. Pháp trần trở xuống là giải thích tướng ba giả. Trước y cứ tâm mà giải thích, nhân trong nhân ngoài hòa hợp mới thành. Cho nên pháp sinh ra gọi là nhân thành giả. Vì niệm chẳng thật cho nên niệm trước diệt, diệt rồi lại sinh, sinh rồi sẽ diệt, kể hay nối tiếp gọi là tiếp nối giả. Người đãi ở mình nên đặt tên người, . Mình đãi ở người, giả lập ở mình. Tướng đãi chẳng thật nên gọi tướng đãi giả. Nếu dọc đãi ý cũng giống như thế.

Nói ba vô vi: Một là hư không, hai là trạch diệt, ba là phi trạch diệt. Xưa gọi số duyên chẳng phải số duyên Câu-xá tụng rằng:

Trong đây không vô ngại.

Nghĩa là hư không vô ngại làm tánh, không phải nói chỗ thấy không một hiển sắc và lỗ dòm nhỏ. Tụng rằng:

*Trạch diệt là lia hệ,
Tùy hệ việc đều khác.*

Tùy hệ ba cõi kiến, thấy các phẩm đều gọi là hệ. Chỗ hệ khác nhau gọi là tùy việc. Lìa một hệ niệm được một trạch diệt. Trạch lực chỗ được diệt gọi là trạch diệt. Trạch là dứt trí, thôi độ khiến diệt, nên gọi là trạch diệt. Phi trạch diệt, tụng rằng:

*Rốt ráo ngại sẽ sinh
Riêng được phi trạch diệt.*

Phi trạch diệt này có hai loại khác nhau, tức là căn trần thiếu duyên, kịp vị đã chứng, các hoặc vô tri chẳng được nối tiếp khởi, gọi là ngại đương sinh. Như khi duyên một sắc, đối với các sắc khác và bốn trần kia được phi trạch diệt, là chánh duyên là ngại đương sinh. Ba đều vô tâm đãi ngã là có. Cho nên có là giả. Khai thiện dưới đây là nói tha giải, văn sau sẽ phá. Kế y cứ sắc, là niệm trước diệt thì giả sau niệm kế tiếp, nên gọi là giả. Trong đãi cũng phải có đủ ngang dọc, đãi qua diệt thân gọi là chẳng thân là dọc đại. Người khác chẳng phải thân ta gọi là chẳng thân là ngang đãi. Phạm văn tương đãi đều có hai nghĩa, đều phải nghĩ biết. Kế y cứ y báo, chánh báo đã giả, y báo cũng như thế. Y sẽ theo chánh như bóng theo hình. Giải thích rõ như Luận sư. Như Thành Luận sư nói rõ ba giả. Văn nay tuy giải thích nghĩa cũng giống như lược. Đã nói sắc tâm y chánh ba giả, đủ hiểu phá kiến nên không có kèm theo. Chỉ đây trở xuống là nói tùy lý ba giả. Nói Đại thừa, tức

là diễn môn ba giáo, vô minh huyễn hóa tên gọi đều thông. Ngoài bốn đại trụ đã từ bốn vị hòa hợp mà thành. Ngoài bốn đại trụ lại hiện trong gương, trong gương há có năng thành bốn vị, năng thành còn không đâu có sở thành huyễn trụ trong gương. Gương trụ như huyễn nên nói huyễn trụ. Lấy huyễn dụ tượng nên lại nói huyễn. Gương trụ đều không vốn là ngoại trụ. Do gương sáng nên hình ảnh hiện trong đó. Gương là ngoại trụ hiện duyên tượng. Nếu thế, ngoại trụ cũng như thế. Trụ thể là do bốn đại chủng là ngoài mà khiến mộc hiện. Lại do công thợ giả đặt tên trụ phải biết ngoại trụ cũng giống như thế, v.v...

Nói bốn vi là sắc, hương, vị, xúc. Do bốn đại hòa hợp tạo sắc trụ này. Ở ngoài tức là chỗ tạo trụ, đối với tượng tức là trụ năng thành. Do có bốn vi sở tạo trụ, mà khiến trong gương sở thành trụ hiện. Cho nên ở trong gương thôi vị năng tạo và trụ sở thành, chẳng bao giờ được. Nhân thành đã không làm sao có tục đãi. Cho nên chỉ so sánh rằng: Hướng trái thời tiết, tức dùng tiếp nối mà so sánh. Vì huyễn hóa trường đoản, tức dùng tương đãi mà hướng. Cho nên kết chung rằng: Đâu thật có được, dùng một chữ so sánh mà quán hai câu dưới. Đại Luận quyển bốn mươi sáu rộng nói: Diễn môn tương ba giả. Tuy nói tùy lý, mà lý có quyền thật. Thông giáo tùy quyền lý, Biệt giáo tùy thật lý. Nay nói ba giả phụ vô minh mà khởi. Cho nên biết vô minh cũng chung cạn sâu. Nay đã phá kiến lại từ nghĩa dọc, lại Thông giáo ba giả. Biệt giáo ba giả ở quyển sáu, trong Tu Trung quán ba phen. Cho nên có thứ đệ ba, bất thứ đệ ba, v.v... Lại luận chung tuy thế, nếu nói Biệt thì như Chương An nói: Thanh văn quán nhân thành, Duyên giác quán tương tục, Bồ-tát quán tương đãi. Tuy đây là đầu, sau sẽ đủ ba. Nêu dễ so sánh khó, như gương trụ vừa rồi để so sánh ngoại trụ, tức tương nó. Nói chẳng thật, là chỉ vì các pháp từ nhân duyên, cho nên niệm niệm chẳng trụ nên đợi tha giả lập. Phải biết gương trụ và ngoại trụ, đều là ba giả chẳng thật nghĩa đồng. Tuy đồng chẳng thật tượng, v.v... để giải thích, ngoài trụ khó hiểu. Cho nên kinh Đại thừa lập mười dụ. Nói mười dụ thì Đại Luận quyển bảy chép: Một là như huyễn, là dụ như nhà ảo thuật làm các thứ. Tuy không có thật nhưng là sắc pháp rất dễ thấy nghe. Các pháp cũng như thế. Vô minh huyễn hóa mà rất dễ thấy nghe; Hai là hơi nóng, vì ánh sáng mặt trời gió động bụi cho nên giữa chỗ trống (sa mạc) như ngựa hoang. Người vô trí cho là có nước. Các pháp cũng như thế, ánh sáng kết sử, bụi trần các hành, gió tưởng nhớ, trong chỗ hoang vắng sinh tử mà chuyển động. Người vô trí cho là thật; Ba là như trăng đáy nước, trăng ở trên hư không bóng ở dưới đáy nước. Mặt trăng thật

tướng ở trên hư không thật tế, trong nước tâm của phàm phu, tướng ngã sở hiện ra; Bốn là hư không, chẳng những chỉ có tên mà còn chẳng chân thật, hư không chẳng thể thấy. Ở xa nhìn ánh sáng chuyển khiến thấy có sắc. Các pháp vốn không xa trí vô lậu, nên thấy các tướng; Năm là như tiếng vang, ở trong núi sâu nghe có tiếng, và tiếng vỗ cây mà có tiếng vang. Người vô trí nói là có, tất cả các lời cũng giống như thế. Chỉ là trong miệng gió Ưu-đà-na chạm bảy chỗ hòa hợp mà có tiếng; Sáu là như khi mặt trời mới mọc thì thấy trên hư không có thành quách, lâu đài và người qua lại. Mặt trời lên cao thì mất. Người vô trí cho là có thật. Các pháp cũng như thế, vọng chấp ngã của ta; Bảy là như mộng trong mộng không có thật gọi là thật. Thức rồi biết không lại tự cười. Các kiết trong miên không có thật mà sinh mê đắm. Được đạo thức rồi bèn biết là không thật; Tám là như bóng, thấy mà chẳng nắm bắt được. Các pháp cũng như thế. Tuy tình cho là thật mà tìm chẳng thật có; Chín là như bóng trong gương. Chẳng phải gương, chẳng phải mặt bốn câu không thể được, chỉ có (tên gọi). Các pháp cũng như thế, không phải tự đều bốn, chỉ có tên gọi; Mười là như hóa, các trời và bậc Thánh có các biến hóa, các biến hóa không thật. Các pháp cũng như thế, đều không sinh diệt, cũng như người hóa vốn tự không sinh đâu có già chết. Lại Thích Luận dưới là hội dị, tức là hội ba hữu và ba nhiếp đề đồng với ba giả. Đại Luận quyển bốn mươi sáu giải thích rộng ba hữu ba nghĩa Nhiếp đề và ở trong phẩm ba giả mà nói cho nên được hội đồng. Nhưng luận văn ba hữu cũng ba giả, danh nghĩa có đồng có khác, thì tên tương đãi đồng, hai thứ kia khác tên. Trong hai khác tên pháp đồng nhân thành. Giả danh chỉ xem pháp giả mà lập, cho nên khác nhau nối nhau. Trong văn chỉ giải thích mà không thấy hội văn nay nêu ý giải thích, vốn ở hội đồng, cho nên phải hội, giả danh thì phải tương tục giả, vì sao? Vì đối với pháp giả đặt tên, thì bảo các pháp nối nhau gọi là trụ. Văn nay trong giải thích tương đãi có toàn dùng văn ấy. Như vật năm tấc đối một thý cứ là ngắn đối ba tấc là dài. Kia đây cũng như thế. Ở đây thì cho kia là kia, ở kia thì cho đây là kia. Vật ở Đông, v.v... như người kia ở phía Đông vật thì cho vật này là Tây, cho nên nói ở Đông cho là Tây. Ở Tây thì cho là Đông, Ta ở phía Tây của vật thì cho vật này là Đông. Kế giải thích giả danh mà có. Nói tuy có nhân duyên khác nhau, v.v... đối với pháp hòa hợp đặt một tên giả, giả danh này là thật có hay không. Hay nói cho nên có, chẳng thật cho nên không. Cho nên khác nhau, nhân duyên thật có và sừng thỏ không. Là sao? Như lạc bốn vì không phải tô bốn vì, mới có tên lạc, cho nên biết tên lạc khác nhau sừng thỏ. Như

bình v.v... các tên dưới (dưới tên bình, v.v...) thì có bình thật, sừng thỏ tên dưới thì sừng thỏ không thật. Lông rùa cũng như thế. Tuy có nhưng khác nhau thể của pháp thật. Thể thì có thật tên thì giả đặt. Cho nên giả có khác nhau thật có. Nói bốn việc như sắc, v.v... hòa hợp nhân duyên. Đây không phải hòa hợp tạo lạc nhân duyên tạo lạc. Phải dùng nhân sửa duyên người mới gọi là lạc. Nhân duyên được thành phải đủ bốn việc, nên gọi bốn việc là pháp hòa hợp. Hòa hợp đủ bốn giả đặt tên là lạc. Lại như trở xuống là lại y cứ đoan nhắc lại đặt ra nhiều lớp thật pháp, lập nhiều lớp giả danh, giải thích có giả danh, Trung Luận rộng phá đoan nhắc lại vô thường, vô ngã. Như người ngồi thiền quán đoan nhắc lại làm đất nước lửa gió, xanh vàng đỏ trắng, v.v..., hoặc lại đều không. Cho nên đoan nhắc lại chỉ có tên gọi. Văn nay lược năm luận rất rộng, từ một sắc rất bé, hương vị xúc xem là pháp thật, giả gọi mao phần. Mao phần, là phần nhỏ của lông gọi là mao phần. Cho nên rất nhỏ đều gọi là mao phần. Hợp nhóm nên gọi là thuế, thuế là sợi lông rất nhỏ. Nên biết bảy phân tử nước là đầu một sợi lông thỏ, thỏ cũng là loại lông nhỏ. Cho đến thành áo, áo là giả danh. Nhắc lại là pháp thật. Như thế xoay vần lần lượt thành giả thật, giả danh có không so sánh như trước nói.

Luận lại nói trở xuống là kế hội ba niếp đề là tiếng Tây Trúc, dịch là giả thi thiết (giả đặt). Muốn hội khiến đồng, nên trước hỏi khởi. Đáp: trở xuống là trước hội tên kế giải thích nghĩa. Trong pháp đã nói năm chúng hòa hợp cho nên thành nghĩa đồng với nhân. Kế trong thoi giả, thoi là lãnh nạp. Do rễ thân cành lá cho nên cây có thể lãnh nạp. Lãnh nạp cây nên có cây thỉ chung, tức gọi là tương tục. Cho nên có đồng với giả danh ở trước. Dùng danh tự ấy trở xuống là hội tương đãi giả, dùng ở tên cây và tên nhánh lá. Lấy hai tên trở xuống là hai thứ pháp. Dưới tên cây nhánh lá là pháp đãi không phải cây, có cây tên sinh. Tất cả các pháp cho đến tâm sở cũng giống như thế. Luận nói: Hành giả (người tu) trước hoại tên đến thoi, kế hoại thoi đến pháp. Vì hoại pháp nên được thật tương các pháp. Y theo nói thứ lớp, tức trước phá tương đãi cho đến nối nhau. Sau phá nhân thành, nếu luận ba giả khởi thứ lớp, thì trước nhân thành cho đến tương đãi. Xoay vần sinh kế xoay vần phá đi. Cho nên phá tương đãi cho đến nhân thành được thật tương không thứ lớp hơi khác. Văn ý đều khác phải khéo suy nghĩ phân biệt. Anh Lạc trở xuống là chứng ba giả trước, dẫn kinh Anh Lạc. Kinh ấy có đủ nên chứng chung. Kinh Bản nghiệp quyển hạ chép: Các pháp duyên thành, giả pháp vô ngã. Có pháp tương đãi tất cả tương hư. Tương

tục gọi một không chẳng thật có, đều câu trên mà nói giả tướng. Ở câu dưới là nói chung phá vì phá nhân thành cho nên tìm ta không thể được. Vì phá tướng đã nên tất cả tướng hư. Vì phá tướng tục nên không thể được. Thứ lớp lại chẳng đồng với văn Đại Luận. Ý Phật sâu xa ta riêng có ý. Đại phẩm trở xuống là dẫn riêng ba kinh đều chứng một giả. Đây tức nghĩa ba giả của Diễn môn. Đại phẩm, vì có duyên ngoài nên khiến nội tư sinh. Tư sinh tức là pháp được sinh. Văn Đại Kinh thứ hai giải thích trong ngoại đạo chấp thường, nói như đọc tụng pháp từ một A-hàm đến một A-hàm. Như người muốn tụng bốn kinh A-hàm có thể từ một bộ đến một bộ, do vì tương tục. A-hàm, Hán dịch là pháp vô tỷ. Pháp thọ thực cũng như thế, tiếp tục nên no. Vì ngoài kể thật gọi thế tục là thường, nên khiến phá. Tương tục là giả đủ như ở sau phá. Tịnh Danh v.v... từ phá biên mà nói là chẳng tương đãi. Bốn câu phá rồi, đãi chẳng thật có, không một niệm trụ. Dẫn diễn văn này, vì muốn hiển Tiểu Đại đồng có. Cái gọi là trở xuống là đủ nêu Tiểu Đại đều đủ ba giả. Văn trước tuy nói Tiểu môn ba giả, chưa nói bốn môn đều đủ ba giả và hoặc sinh ra. Nay đối diễn môn nên nêu lại. Như lai trở xuống là nói lý sinh hoặc, vì do sinh mê đắm nên bản ý Phật dạy người không tranh giành. Tranh giành là lỗi người nào có liên quan gì với lỗi pháp. Chỉ ba tạng môn vụng để sinh tranh giành. Nhưng văn Đại Luận vốn bác bỏ ba tạng xem là tránh pháp (pháp tranh giành), tức dùng diễn môn làm pháp vô tránh. Cho nên Luận nói: Phật pháp có hai: Một là chỗ tranh giành, hai là chỗ không tranh giành. Các kinh khác đã nói chỗ tranh giành, nay muốn chỉ người pháp không tranh giành, cho nên nói kinh Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật. Cho đến có tướng không tương, có y không y, có đôi không đối, có trên không trên, phân ra làm hai môn cũng giống như thế. Nay thì dùng chung Phật pháp Đại Tiểu, đều vốn chỉ người pháp không tranh giành. Cho nên nói sinh ngữ kiến, ở mười sáu môn mà khởi giả. Như cam lộ cõi trời vốn giúp cho sống lâu. Ngu ăn chẳng tiêu lại khiến sống yếu. Phật giáo cũng như thế. Vốn khiến thông đến thường trụ Niết-bàn. Vì sinh tranh giành lại vào Tam đồ, nói ngữ kiến: Ngữ là lời dạy, y môn đều kể, tùy sinh bất cứ một kiến nào. Đã chẳng thể hiểu ý sau lời nói gọi là ngữ kiến.